

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
VÀ CẤP BẰNG THẠC SĨ CHO HỌC VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHYD ngày tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh)

1. Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Lao): 04 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
1	127211000	Nguyễn Bảo Linh	Nam	01/10/1996	Khánh Hòa	048/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
2	127211001	Trịnh Bá Hùng Mạnh	Nam	28/9/1990	Đắk Lắk	049/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
3	127211003	Nguyễn Thanh Thùy	Nữ	21/01/1996	TP. Hồ Chí Minh	050/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
4	127211004	Nguyễn Thành Trung	Nam	14/12/1989	Vĩnh Long	051/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

2. Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Truyền nhiễm): 05 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
5	127211006	Nguyễn Linh Nhật Đăng	Nam	23/01/1994	Tiền Giang	052/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
6	127211007	Phạm Hoàng Khả Hân	Nữ	17/12/1996	Bến Tre	053/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
7	127211008	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	07/4/1996	Tiền Giang	054/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
8	127211009	Võ Thị Hồng Nhi	Nữ	04/8/1996	Quảng Ngãi	055/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
9	127211011	Lê Thái Kim Thư	Nữ	19/6/1996	An Giang	056/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

3. Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh): 19 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
10	127211012	Lương Thanh Bình	Nam	08/10/1996	Gia Lai	057/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
11	127211013	Lâm Thùy Đoan	Nữ	30/7/1996	Sóc Trăng	058/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
12	127211014	Nguyễn Hồng Đức	Nam	29/11/1996	Thái Nguyên	059/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
13	127211015	Nguyễn Thị Thanh Dung	Nữ	17/02/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	060/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
14	127211016	Lại Diệp Thanh Hải	Nam	19/11/1996	Khánh Hòa	061/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
15	127211017	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	08/02/1996	Cần Thơ	062/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
16	127211019	Trần Thái Hoàng	Nam	26/11/1996	Khánh Hòa	063/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
17	127211020	Lê Nguyễn Gia Hy	Nam	12/8/1996	Quảng Ngãi	064/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
18	127211021	Đinh Nhã Khoa	Nữ	03/8/1991	Tiền Giang	065/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
19	127211022	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nữ	08/7/1994	Đồng Nai	066/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
20	127211023	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	30/3/1996	TP. Hồ Chí Minh	067/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
21	127211024	Trương Thị Ngọc Nga	Nữ	18/7/1996	Đắk Lắk	068/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
22	127211027	Lương Thị Mỹ Phụng	Nữ	20/10/1991	Đắk Nông	069/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
23	127211028	Lê Nguyễn Diễm Quỳnh	Nữ	18/10/1996	Thừa Thiên Huế	070/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
24	127211029	Lê Ngô Gia Thảo	Nữ	31/3/1993	Đồng Nai	071/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
25	127211030	Nguyễn Linh Thoại	Nam	24/6/1996	Tiền Giang	072/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
26	127211031	Võ Ngọc Huy Thông	Nam	06/3/1996	Long An	073/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
27	127211032	Nguyễn Thị Thùy Trúc	Nữ	22/01/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	074/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
28	127211033	Đặng Xuân Trường	Nam	20/7/1993	Thái Nguyên	075/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

4. Gây mê hồi sức: 15 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
29	127211034	Danh Bình An	Nam	09/02/1993	Kiên Giang	076/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
30	127211035	Nguyễn Thanh Hiếu	Nam	28/7/1992	Thừa Thiên Huế	077/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
31	127211036	Nguyễn Lê Huyền	Nam	23/4/1996	Ninh Thuận	078/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
32	127211037	Bùi Quốc Khánh	Nam	02/11/1992	Hải Phòng	079/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
33	127211038	Đỗ Thị Hạnh Nguyên	Nữ	22/4/1991	Lâm Đồng	080/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
34	127211039	Nguyễn Hằng Nguyệt	Nữ	16/5/1995	Đắk Lắk	081/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
35	127211040	Nguyễn Minh Nhật	Nam	09/10/1996	Đồng Nai	082/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
36	127211041	Trần Thành Phát	Nam	15/02/1996	Long An	083/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
37	127211042	Lê Quang Phong	Nam	24/4/1996	Tây Ninh	084/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
38	127211043	Nguyễn Thanh Tân	Nam	23/01/1996	Đắk Lắk	085/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

39	127211044	Nguyễn Huyền Thoại	Nữ	27/9/1994	Trà Vinh	086/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
40	127211045	Phan Quốc Thông	Nam	28/10/1996	Bình Định	087/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
41	127211046	Nguyễn Trần Quỳnh Thư	Nữ	16/8/1996	Quảng Ngãi	088/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
42	127211047	Nguyễn Quang Tuyền	Nam	15/02/1996	TP. Hồ Chí Minh	089/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
43	127211048	Nguyễn Ngọc Tường Vi	Nữ	6/10/1995	Đắk Lắk	090/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

5. Khoa học y sinh (Giải phẫu bệnh): 11 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
44	127211049	Huỳnh Quang Đậm	Nam	19/3/1995	Hậu Giang	091/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
45	127211050	Vũ Lê Thành Đạt	Nam	14/7/1996	TP. Hồ Chí Minh	092/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
46	127211051	Phạm Thị Như Diễm	Nữ	23/4/1996	Gia Lai	093/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
47	127211052	Vũ Tuấn Dũng	Nam	22/9/1996	Khánh Hòa	094/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
48	127211053	Lê Trọng Hiếu	Nam	15/6/1996	Thừa Thiên Huế	095/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
49	127211054	Ngô Nhật Hoa	Nam	27/12/1995	TP. Hồ Chí Minh	096/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
50	127211055	Nguyễn Khánh Hưng	Nam	13/6/1991	Bình Thuận	097/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
51	127211057	Nguyễn Minh Nhật	Nam	26/9/1994	TP. Hồ Chí Minh	098/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
52	127211058	Bùi Phương Quỳnh	Nữ	02/01/1996	TP. Hồ Chí Minh	099/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
53	127211059	Lưu Đức Tùng	Nam	08/01/1996	Đắk Nông	100/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
54	127211060	Trương Hoàng Yến Vy	Nữ	27/10/1995	TP. Hồ Chí Minh	101/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng

6. Khoa học y sinh (Giải phẫu học): 01 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
55	127211061	Trần Hoàng Hiếu	Nam	03/02/1995	Trà Vinh	102/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

7. Khoa học y sinh (Hóa sinh y học): 02 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
56	127211062	Lê Dương Hoàng Huy	Nam	31/5/1992	TP. Hồ Chí Minh	103/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
57	127211063	Kha Đức Lượng	Nam	03/10/1995	Trà Vinh	104/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

8. Khoa học y sinh (Ký sinh trung y học): 03 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
58	127211064	Nguyễn Đức Chính	Nam	18/11/1993	Bình Định	105/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
59	127211065	Phạm Thị Hồng	Nữ	23/9/1991	Nam Định	106/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
60	127211066	Lê Nguyễn Uyên Phương	Nữ	19/3/1996	Cần Thơ	107/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

9. Khoa học y sinh (Mô phôi): 01 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
61	127211067	Nguyễn Như Hiền	Nữ	16/01/1995	Trà Vinh	108/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

10. Khoa học y sinh (Vi sinh y học): 05 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
62	127211068	Đặng Thu Hương	Nữ	25/12/1996	TP. Hồ Chí Minh	109/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
63	127211069	Lê Nguyễn Quỳnh Hương	Nữ	28/12/1993	Đồng Nai	110/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
64	127211070	Lâm Kiến Thành	Nam	25/8/1992	TP. Hồ Chí Minh	111/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
65	127211071	Nguyễn Thị Kiều Tiên	Nữ	03/10/1995	Trà Vinh	112/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
66	127211072	Đặng Nguyễn Hương Trinh	Nữ	23/4/1996	TP. Hồ Chí Minh	113/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

11. Ngoại khoa: 16 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
67	127211073	Phạm Long Bình	Nam	23/01/1996	Đồng Tháp	114/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
68	127211074	Trần Nhật Hạ	Nam	17/5/1996	Khánh Hòa	115/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
69	127211075	Võ Phú Hậu	Nam	02/6/1996	Quảng Ngãi	116/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
70	127211076	Lê Huy Minh Hoàng	Nam	24/4/1994	Cần Thơ	117/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
71	127211077	Phan Minh Hoàng	Nam	15/12/1995	Đồng Nai	118/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
72	127211078	Bùi Thị Huyền	Nữ	06/7/1996	Đắk Lắk	119/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

73	127211079	Huỳnh Thanh Huỳnh	Nam	12/7/1996	Đắk Lắk	120/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
74	127211080	Huỳnh Văn Linh	Nam	04/11/1994	Trà Vinh	121/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
75	127211081	Hà Minh Lực	Nam	05/9/1996	Đồng Tháp	122/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
76	127211082	Phạm Quang Nhật	Nam	21/4/1994	Lâm Đồng	123/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
77	127211083	Dương Minh Nhật	Nam	16/3/1995	Kiên Giang	124/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
78	127211084	Nguyễn Hải Sơn	Nam	04/01/1995	Đắk Lắk	125/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
79	127211085	Đình Thuận Thiên	Nam	06/01/1995	Đắk Lắk	126/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
80	127211086	Trần Đông Thức	Nam	14/01/1994	Bến Tre	127/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
81	127211087	Nguyễn Trần Tín	Nam	06/11/1993	Bình Định	128/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
82	127211088	Trần Văn Toàn	Nam	20/11/1990	Quảng Nam	129/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

12. Ngoại khoa: 19 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
83	127211089	Phan Tiến Bảo Anh	Nam	25/5/1996	Bình Thuận	130/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
84	127211090	Đình Văn Thái Bảo	Nam	19/10/1996	Quảng Nam	131/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
85	127211091	Mai Vũ Gia Bảo	Nam	16/7/1996	Bình Thuận	132/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
86	127211092	Phan Cảnh Đạt	Nam	10/01/1996	Bình Định	133/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
87	127211093	Nguyễn Sơn Hải	Nam	24/9/1995	Lâm Đồng	134/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
88	127211094	Lâm Kiếm Hồng	Nam	12/5/1996	Kiên Giang	135/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
89	127211096	Nguyễn Văn Huỳnh	Nam	16/02/1996	Đắk Lắk	136/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
90	127211097	Nguyễn Mạnh Kha	Nam	24/5/1995	TP. Hồ Chí Minh	137/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
91	127211098	Lê Minh Khoa	Nam	15/01/1994	Đồng Tháp	138/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
92	127211100	Võ Văn Khoa	Nam	12/5/1996	TP. Hồ Chí Minh	139/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
93	127211101	Phạm Thế Kiên	Nam	07/9/1996	Phú Yên	140/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
94	127211103	Lê Hoàng Khôi Nguyên	Nam	07/5/1996	TP. Hồ Chí Minh	141/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
95	127211104	Nguyễn Trần Hoàng Phú	Nam	26/6/1996	Khánh Hòa	142/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
96	127211105	Phạm Quốc Quan Sang	Nam	15/9/1996	Đồng Nai	143/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
97	127211106	Lê Văn Thanh Sơn	Nam	17/9/1996	Đắk Lắk	144/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
98	127211107	Lý Thiên Tài	Nam	14/7/1996	Đồng Nai	145/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
99	127211108	Đoàn Minh Thái	Nam	18/01/1996	Tiền Giang	146/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
100	127211109	Lê Nhật Thành	Nam	14/02/1996	Kiên Giang	147/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
101	127211110	Trần Đức Viễn	Nam	30/10/1995	Khánh Hòa	148/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng

13. Ngoại khoa (Ngoại - Lông ngực): 06 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
102	127211111	Trương Đình Đức Anh	Nam	03/01/1996	Đồng Nai	149/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
103	127211112	Phan Quốc Cường	Nam	05/01/1996	Bình Định	150/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
104	127211113	Nguyễn Duy	Nam	09/6/1992	Đắk Lắk	151/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
105	127211114	Đỗ Đăng Khoa	Nam	30/10/1996	TP. Hồ Chí Minh	152/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
106	127211116	Phạm Đoàn Ngọc Tuấn	Nam	01/3/1996	Hậu Giang	153/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
107	127211117	Nguyễn Ngọc Tuấn	Nam	26/3/1993	TP. Hồ Chí Minh	154/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng

14. Ngoại khoa (Ngoại - Nhi): 05 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
108	127211118	Trần Huy Hoàng	Nam	19/02/1995	Nam Định	155/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
109	127211119	Trần Văn Hùng	Nam	19/7/1996	Đà Nẵng	156/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
110	127211120	Huỳnh Minh Mẫn	Nam	28/6/1996	Đồng Nai	157/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
111	127211121	Trần Thị Phụng	Nữ	27/5/1996	Thừa Thiên Huế	158/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
112	127211122	Đình Nguyễn Hoài Thanh	Nam	31/8/1996	Tây Ninh	159/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

15. Ngoại khoa (Ngoại - Thần kinh và Sọ não): 11 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
113	127211124	Huỳnh Phú An	Nam	26/01/1996	Đồng Tháp	160/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
114	127211125	Lương Minh Cường	Nam	12/12/1995	Kon Tum	161/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
115	127211126	Đặng Quốc Duận	Nam	03/11/1992	Ninh Thuận	162/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
116	127211127	Bùi Hoàng Tuấn Dũng	Nam	24/12/1996	Gia Lai	163/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
117	127211128	Nguyễn Doãn Hoàng Giang	Nam	01/01/1996	Lâm Đồng	164/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
118	127211130	Trương Văn Quang Hiến	Nam	13/9/1994	TP. Hồ Chí Minh	165/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
119	127211131	Nguyễn Quốc Hùng	Nam	31/12/1996	Thừa Thiên Huế	166/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

120	127211132	Nguyễn Hoàng Huy	Nam	14/12/1992	Bến Tre	167/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
121	127211133	Lê Tường Kha	Nam	20/01/1993	TP. Hồ Chí Minh	168/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
122	127211134	Hồ Minh Triết	Nam	29/5/1996	Bến Tre	169/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
123	127211135	Hồ Hoàng Vũ	Nam	01/6/1996	Hà Tĩnh	170/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng

16. Ngoại khoa (Ngoại - Tiết niệu): 08 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
124	127211136	Nguyễn Quốc Bảo	Nam	18/5/1996	Quảng Nam	171/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
125	127211137	Trần Duy Đạt	Nam	06/8/1993	Thừa Thiên Huế	172/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
126	127211138	Nông Văn Huy	Nam	14/12/1990	Đắk Lắk	173/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
127	127211139	Nguyễn Huỳnh Đăng Khoa	Nam	26/3/1996	Bến Tre	174/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
128	127211140	Hoàng Ngọc Long	Nam	12/5/1996	Lâm Đồng	175/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
129	127211142	Nguyễn Hoàng Nam Nhật	Nam	11/7/1995	Long An	176/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
130	127211143	Nguyễn Tú Tài	Nam	27/10/1996	Quảng Ngãi	177/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
131	127211145	Hạ Kỳ Văn	Nam	28/02/1995	Đắk Lắk	178/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng

17. Nhân khoa: 10 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
132	127211146	Nguyễn Lê Thành Đạt	Nam	14/8/1996	Tiền Giang	179/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
133	127211147	Nguyễn Tiên Đạt	Nam	21/9/1996	Nam Định	180/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
134	127211148	Đào Thị Thu Hiền	Nữ	04/10/1996	Hải Phòng	181/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
135	127211149	Lê Thái Minh Hiếu	Nam	21/4/1996	Bình Định	182/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
136	127211150	Nguyễn Huỳnh Phúc	Nam	26/3/1996	TP. Hồ Chí Minh	183/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
137	127211151	Ngô Mạc Như Quỳnh	Nữ	05/8/1996	Đắk Lắk	184/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
138	127211152	Hồ Công Thủy Thanh	Nữ	07/01/1995	TP. Hồ Chí Minh	185/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
139	127211153	Nguyễn Văn Thành	Nam	07/7/1972	Bình Định	186/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
140	127211154	Phan Nữ Hoài Thương	Nữ	26/4/1996	Gia Lai	187/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
141	127211155	Trần Thanh Tú	Nữ	21/11/1992	TP. Hồ Chí Minh	188/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng

18. Nhi khoa: 09 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
142	127211156	Phạm Quốc Cường	Nam	26/5/1996	TP. Hồ Chí Minh	189/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
143	127211158	Trần Quốc Khánh	Nam	02/9/1996	Bình Dương	190/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
144	127211159	Phạm Thái Hải Nhi	Nữ	03/9/1996	Lâm Đồng	191/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
145	127211160	Ngô Chí Quang	Nam	11/12/1995	Kiên Giang	192/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
146	127211161	Bùi Ngọc Minh Thanh	Nữ	01/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	193/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
147	127211162	Nguyễn Thị Mai Thảo	Nữ	12/8/1996	Bình Định	194/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
148	127211163	Hứa Nguyễn Anh Thư	Nữ	16/6/1996	TP. Hồ Chí Minh	195/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
149	127211164	Huỳnh Nguyễn Anh Thư	Nữ	29/8/1996	Quảng Ngãi	196/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
150	127211165	Nguyễn Ngọc Tín	Nam	15/11/1996	Đắk Lắk	197/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

19. Nội khoa: 29 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
151	127211166	Đỗ Hải An	Nữ	31/8/1995	An Giang	198/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
152	127211167	Nguyễn Trần Vĩnh An	Nam	06/4/1996	Cà Mau	199/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
153	127211168	Trần Gia Bảo	Nam	15/10/1993	Bình Dương	200/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
154	127211169	Trần Vi Diễm	Nam	21/6/1994	Quảng Ngãi	201/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
155	127211170	Trần Huỳnh Mỹ Duyên	Nữ	09/6/1995	Ninh Thuận	202/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
156	127211171	Lê Đình Triều Giang	Nữ	18/6/1994	Ninh Thuận	203/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
157	127211172	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	03/12/1996	Lâm Đồng	204/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
158	127211173	Lâm Tú Hương	Nữ	14/12/1996	Tiền Giang	205/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
159	127211175	Trần Lê Quốc Khánh	Nam	25/8/1996	TP. Hồ Chí Minh	206/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
160	127211176	Bùi Hữu Minh Khuê	Nữ	01/6/1996	Thừa Thiên Huế	207/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
161	127211177	Phạm Thị Diễm Kiều	Nữ	07/3/1991	Long An	208/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
162	127211178	Hà Văn Minh	Nam	25/7/1993	Thanh Hóa	209/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
163	127211179	Phạm Tố Như	Nữ	29/6/1996	Đồng Nai	210/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
164	127211180	Trần Âu Quế Nhung	Nữ	17/6/1990	Long An	211/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
165	127211181	Hà Thúc Nhượng	Nam	04/4/1983	Bình Định	212/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
166	127211182	Nguyễn Hoàng Thiên Phát	Nam	05/11/1993	Tiền Giang	213/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng

167	127211183	Trương Gia Phúc	Nam	23/5/1995	Phú Yên	214/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
168	127211185	Nguyễn Nhật Tài	Nam	15/9/1996	Đắk Lắk	215/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
169	127211186	Nguyễn Thanh Tân	Nam	08/11/1996	Tiền Giang	216/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
170	127211187	Nguyễn Đình Thắng	Nam	23/10/1996	Gia Lai	217/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
171	127211188	Phan Thị Thanh Thanh	Nữ	13/8/1996	TP. Hồ Chí Minh	218/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
172	127211189	Nguyễn Trung Công Thành	Nam	15/6/1992	TP. Hồ Chí Minh	219/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
173	127211190	Phạm Thị Minh Thuận	Nữ	13/11/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	220/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
174	127211191	Võ Đăng Toàn	Nam	12/01/1995	Bình Định	221/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
175	127211192	Phan Hữu Trí	Nam	31/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	222/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
176	127211193	Đoàn Quang Trường	Nam	26/3/1994	Thừa Thiên Huế	223/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
177	127211194	Phan Duy Tùng	Nam	23/3/1993	Đồng Nai	224/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
178	127211195	Đặng Tường Vi	Nữ	27/02/1996	Bình Phước	225/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
179	127211196	Đào Thị Hoàng Yến	Nữ	06/10/1995	Lâm Đồng	226/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng

20. Nội khoa (Da liễu): 20 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
180	127211197	Nguyễn Ngọc Hà	Nữ	07/9/1996	Phú Yên	227/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
181	127211198	Nguyễn Thị Khánh Hằng	Nữ	13/6/1996	Khánh Hòa	228/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
182	127211199	Lữ Thị Thanh Hiền	Nữ	10/02/1994	Gia Lai	229/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
183	127211200	Hoàng Trung Hiếu	Nam	26/3/1996	Đắk Lắk	230/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
184	127211201	Phan Thị Lan Hương	Nữ	27/8/1993	Gia Lai	231/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
185	127211202	Huỳnh Như Huỳnh	Nữ	20/6/1994	Bến Tre	232/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
186	127211203	Danh Bảo Khánh	Nữ	20/10/1995	Sóc Trăng	233/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
187	127211204	Nguyễn Tấn Khoa	Nam	31/10/1996	Sóc Trăng	234/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
188	127211205	Lê Nguyệt Linh	Nữ	02/10/1996	Gia Lai	235/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
189	127211206	Trịnh Thị Tuyết Minh	Nữ	11/5/1994	Bến Tre	236/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
190	127211207	Huỳnh Thị Như Mỹ	Nữ	19/6/1994	Bình Định	237/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
191	127211208	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Nữ	15/4/1994	Khánh Hòa	238/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
192	127211209	Phan Thị Kim Ngọc	Nữ	01/9/1996	Bình Thuận	239/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
193	127211210	Nguyễn Duy Thanh	Nam	17/7/1996	Cà Mau	240/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
194	127211211	Nguyễn Trần Anh Thư	Nữ	25/01/1995	Quảng Nam	241/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
195	127211212	Chung Lê Đoàn Trang	Nữ	15/4/1996	TP. Hồ Chí Minh	242/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
196	127211213	Ngô Thị Phương Uyên	Nữ	14/7/1996	Quảng Bình	243/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
197	127211214	Lương Thế Vinh	Nam	06/7/1994	TP. Hồ Chí Minh	244/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
198	127211215	Võ Tường Thảo Vy	Nữ	06/10/1994	Thừa Thiên Huế	245/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
199	127211216	Phùng Xuân Kim Yến	Nữ	01/02/1995	Đắk Lắk	246/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

21. Nội khoa (Huyết học và truyền máu): 09 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
200	127211217	Châu Hồng Anh	Nữ	01/4/1996	TP. Hồ Chí Minh	247/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
201	127211219	Phan Văn Hiếu	Nam	06/10/1996	Bình Thuận	248/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
202	127211220	Lê Quang Hoàng	Nam	20/10/1996	Vĩnh Long	249/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
203	127211221	Phạm Nguyễn Huân	Nam	12/11/1995	TP. Hồ Chí Minh	250/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
204	127211222	Hoàng Văn Hữu	Nam	18/6/1996	Quảng Trị	251/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
205	127211223	Nguyễn Văn Nhân	Nam	02/7/1994	Nam Định	252/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
206	127211225	Phan Ngô Quang Thạch	Nam	09/11/1996	TP. Hồ Chí Minh	253/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
207	127211226	Trần Ngọc Xuân Thy	Nữ	14/02/1996	Đồng Nai	254/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
208	127211227	Bùi Nguyễn Thùy Trang	Nữ	18/12/1996	Lâm Đồng	255/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

22. Nội khoa (Lão khoa): 23 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
209	127211228	Nguyễn Thị Đào	Nữ	22/12/1995	Hà Tĩnh	256/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
210	127211229	Trương Ngọc Dung	Nữ	14/8/1995	An Giang	257/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
211	127211231	Phạm Hoàng Hải	Nam	27/01/1996	Kiên Giang	258/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
212	127211232	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Nữ	18/5/1994	Long An	259/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
213	127211234	Lê Thị Hồng Hoa	Nữ	07/12/1995	Bình Dương	260/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
214	127211235	Lê Quốc Hưng	Nam	19/10/1991	Bình Thuận	261/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
215	127211236	Nguyễn Quốc Huy	Nam	25/3/1996	Quảng Ngãi	262/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
216	127211237	Trần Minh Huy	Nam	04/5/1996	Bến Tre	263/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
217	127211238	Trương Trí Khoa	Nam	04/8/1996	TP. Hồ Chí Minh	264/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

218	127211239	Nguyễn Thị Liên	Nữ	12/12/1995	Đắk Lắk	265/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
219	127211240	Huỳnh Thị Mỹ Linh	Nữ	26/12/1995	Gia Lai	266/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
220	127211241	Đinh Thị Na	Nữ	02/6/1994	Quảng Trị	267/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
221	127211242	Phan Thanh Hải Nam	Nam	30/5/1996	TP. Hồ Chí Minh	268/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
222	127211243	Trần Thị Mỹ Nhật	Nữ	23/8/1994	Tây Ninh	269/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
223	127211244	Đặng Ngọc Sơn	Nam	05/6/1996	Đồng Nai	270/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
224	127211245	Lê Trịnh Thùy Tiên	Nữ	25/8/1988	TP. Hồ Chí Minh	271/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
225	127211246	Nguyễn Huỳnh Quang Tín	Nam	16/3/1993	Long An	272/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
226	127211247	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	Nữ	30/7/1995	Đồng Tháp	273/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
227	127211248	Trương Thị Thu Trang	Nữ	07/9/1993	Hậu Giang	274/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
228	127211249	Trinh Thục Trinh	Nữ	25/6/1996	Ninh Thuận	275/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
229	127211250	Trần Tiến Trung	Nam	18/10/1996	Đắk Lắk	276/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
230	127211252	Đỗ Nguyễn Thảo Uyên	Nữ	26/6/1996	Đồng Nai	277/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
231	127211253	Nguyễn Hữu Vinh	Nam	15/10/1993	Tiền Giang	278/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

23. Nội khoa (Nội tiết): 05 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
232	127211254	Lương Khôi Nguyên	Nam	12/5/1996	Đắk Lắk	279/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
233	127211256	Phạm Yến Nhi	Nữ	04/9/1996	Long An	280/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
234	127211257	Lê Thị Thu Thảo	Nữ	04/02/1996	Bình Phước	281/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
235	127211258	Lâm Quốc Thiên	Nam	11/9/1996	Trà Vinh	282/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
236	127211259	Nguyễn Thị Huệ Thiên	Nữ	14/01/1995	Bình Thuận	283/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng

24. Nội khoa (Phục hồi chức năng): 09 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
237	127211261	Tô Trường Duy	Nam	10/12/1994	Kiên Giang	284/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
238	127211262	Võ Trần Huy	Nam	20/8/1996	Quảng Ngãi	285/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
239	127211263	Dương Thị Quế Lan	Nữ	18/01/1996	Khánh Hòa	286/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
240	127211264	Hoàng Thị Diệu Nguyên	Nữ	10/5/1993	TP. Hồ Chí Minh	287/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
241	127211265	Hoàng Trí Phương	Nam	22/4/1995	TP. Hồ Chí Minh	288/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
242	127211266	Lê Thị Nhật Phương	Nữ	13/4/1996	Quảng Nam	289/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
243	127211267	Đặng Thị Hiền Thảo	Nữ	25/6/1996	Gia Lai	290/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
244	127211268	Đoàn Thị Thùy Trang	Nữ	25/4/1994	Lâm Đồng	291/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
245	127211269	Phan Minh Tuấn	Nam	24/11/1995	TP. Hồ Chí Minh	292/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng

25. Nội khoa (Tâm thần): 02 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
246	127211271	Vũ Đức Nguyên	Nam	07/7/1996	Đồng Nai	293/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
247	127211272	Nguyễn Thị Thu Sương	Nữ	14/4/1996	Đắk Lắk	294/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

26. Nội khoa (Thần kinh): 10 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
248	127211273	Nguyễn Thành An	Nam	29/4/1996	TP. Hồ Chí Minh	295/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
249	127211275	Nguyễn Thị Thúy Duy	Nữ	02/9/1993	Trà Vinh	296/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
250	127211276	Dương Thị Lân	Nữ	02/01/1996	Quảng Nam	297/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
251	127211278	Nguyễn Đình Nguyên	Nam	20/5/1994	Đà Nẵng	298/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
252	127211279	Võ Phương Quỳnh	Nữ	31/7/1996	Đồng Nai	299/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
253	127211280	Nguyễn Văn Đặng Sơn	Nam	01/8/1992	Quảng Nam	300/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
254	127211281	Lê Nhật Tân	Nam	13/7/1996	Cần Thơ	301/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
255	127211282	Châu Văn Thoại	Nam	01/9/1996	Bình Định	302/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
256	127211283	Phan Quân Thụy	Nam	21/6/1996	Đồng Tháp	303/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
257	127211284	Phạm Phước Tuấn	Nam	19/10/1995	Đà Nẵng	304/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

27. Sản phụ khoa: 30 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
258	127211285	Trần Thị Ngọc Anh	Nữ	29/7/1995	Hải Phòng	305/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
259	127211286	Nguyễn Phạm Ngọc Châu	Nữ	14/02/1996	Thừa Thiên Huế	306/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
260	127211287	Võ Trần Châu	Nữ	15/9/1996	Tiền Giang	307/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng

261	127211288	Qua Qua Nhị Chí Chính	Nam	02/5/1992	Bình Thuận	308/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
262	127211289	Hà Quang Điền	Nam	02/11/1991	Trà Vinh	309/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
263	127211290	Đào Tuấn Dũng	Nam	11/4/1995	Sông Bé	310/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
264	127211291	Nguyễn Khánh Duy	Nam	18/5/1995	Tiền Giang	311/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
265	127211292	Trần Thị Tuyết Hạnh	Nữ	10/3/1996	Bình Thuận	312/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
266	127211293	Lê Thị Minh Hiền	Nữ	20/12/1990	Đắk Lắk	313/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
267	127211294	Nguyễn Thị Kim Hiền	Nữ	26/01/1995	Kiên Giang	314/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
268	127211295	Lê Thị Hòa	Nữ	07/4/1995	Quảng Ngãi	315/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
269	127211296	Huỳnh Kha	Nữ	05/10/1995	Bạc Liêu	316/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
270	127211297	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	23/10/1996	Phủ Yên	317/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
271	127211298	Nguyễn Tuấn Lộc	Nam	24/9/1996	Gia Lai	318/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
272	127211299	Huỳnh Phúc Khánh Minh	Nam	15/4/1996	TP. Hồ Chí Minh	319/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
273	127211300	Nguyễn Thái Bình Minh	Nữ	09/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	320/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
274	127211301	Trần Văn Nam	Nam	17/6/1995	An Giang	321/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
275	127211302	Nguyễn Xuân Nghĩa	Nam	17/3/1995	Thanh Hóa	322/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
276	127211303	Huỳnh Thị Thanh Nguyệt	Nữ	17/01/1996	Ninh Thuận	323/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
277	127211304	Trần Huỳnh Trung Như	Nam	25/5/1996	Phủ Yên	324/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
278	127211305	Lê Chí Thanh	Nam	27/3/1996	Tây Ninh	325/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
279	127211306	Châu Thị Xuân Thảo	Nữ	19/5/1995	Long An	326/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
280	127211307	Trần Hoàng Thống	Nam	07/3/1995	TP. Hồ Chí Minh	327/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
281	127211308	Nguyễn Thị Thùy	Nữ	06/4/1996	Nghệ An	328/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
282	127211309	Dương Thùy Trang	Nữ	07/11/1996	Gia Lai	329/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
283	127211310	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Nữ	04/10/1993	Tiền Giang	330/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
284	127211311	Dương Kim Thiện Uyên	Nữ	07/7/1995	Sóc Trăng	331/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
285	127211312	Nguyễn Cao Văn	Nữ	12/8/1995	TP. Hồ Chí Minh	332/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
286	127211313	Trương Thanh Vị	Nữ	09/01/1994	Kiên Giang	333/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
287	127211314	Nguyễn Hoàng Vũ	Nam	26/02/1995	Đà Nẵng	334/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

28. Tai - Mũi - Họng: 28 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
288	127211315	Mai Thị Trâm Anh	Nữ	14/02/1996	Đắk Lắk	335/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
289	127211316	Đặng Quốc Bảo	Nam	26/01/1994	Lâm Đồng	336/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
290	127211317	Nguyễn Thị Thiện Bình	Nữ	07/12/1995	Khánh Hòa	337/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
291	127211318	Lý Văn Cum	Nam	17/8/1994	Kiên Giang	338/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
292	127211319	Nguyễn Văn Đăng	Nam	04/01/1984	Đồng Tháp	339/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
293	127211320	Ngô Thành Đạt	Nam	30/3/1996	Quảng Ngãi	340/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
294	127211321	Lê Quang Đức	Nam	26/8/1996	Sông Bé	341/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
295	127211322	Lê Văn Hải	Nam	12/12/1995	Hải Dương	342/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
296	127211323	Châu Ngọc Hân	Nữ	05/11/1996	Tiền Giang	343/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
297	127211324	Lê Huy Hoàng	Nam	20/11/1996	Kiên Giang	344/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
298	127211325	Lê Minh Hùng	Nam	09/8/1996	TP. Hồ Chí Minh	345/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
299	127211326	Phan Đức Huy	Nam	28/02/1996	TP. Hồ Chí Minh	346/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
300	127211327	Lưu Nguyễn An Khương	Nam	14/10/1996	Vĩnh Long	347/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
301	127211328	Nguyễn Trần Bảo Nghi	Nữ	27/4/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	348/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
302	127211329	Nguyễn Đỗ An Nhiên	Nữ	14/6/1994	Đắk Lắk	349/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
303	127211330	Trần Trọng Phát	Nam	21/8/1996	Quảng Ngãi	350/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
304	127211331	Đặng Duy Phong	Nam	17/6/1996	Bình Định	351/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
305	127211332	Đỗ Hoàng Phong	Nam	27/4/1994	Đồng Tháp	352/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
306	127211333	Nguyễn Minh Phước	Nam	26/9/1996	TP. Hồ Chí Minh	353/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
307	127211334	Nguyễn Đăng Quang	Nam	15/02/1994	TP. Hồ Chí Minh	354/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
308	127211335	Huỳnh Chí Thành	Nam	26/3/1996	Bạc Liêu	355/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
309	127211336	Trần Huỳnh Thu Thảo	Nữ	02/10/1996	TP. Hồ Chí Minh	356/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
310	127211337	Nguyễn Lê Vĩnh Thuận	Nam	15/7/1996	TP. Hồ Chí Minh	357/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
311	127211338	Lê Mỹ Thương	Nữ	16/5/1995	Bến Tre	358/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
312	127211339	Lê Nguyễn Trọng Tín	Nam	16/7/1996	Đồng Tháp	359/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
313	127211340	Trần Dương Phương Trinh	Nữ	01/7/1996	Sóc Trăng	360/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
314	127211341	Nguyễn Huyền Vi	Nữ	01/5/1990	Đắk Lắk	361/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
315	127211342	Nguyễn Đức Vượng	Nam	21/7/1996	Nam Định	362/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

29. Ung thư: 10 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
316	127211344	Nguyễn Hoàng Gia An	Nam	07/02/1994	TP. Hồ Chí Minh	363/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng

317	127211346	Lâm Vĩnh Hào	Nam	16/11/1994	Sóc Trăng	364/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
318	127211347	Trần Trương Kim Hoàn	Nữ	11/3/1993	Trà Vinh	365/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
319	127211348	Phạm Việt Hoạt	Nam	10/5/1994	Thái Bình	366/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
320	127211349	Đặng Minh Khoa	Nam	05/11/1996	TP. Hồ Chí Minh	367/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
321	127211350	Trần Nhân	Nam	09/9/1991	TP. Hồ Chí Minh	368/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
322	127211351	Nguyễn Văn Thành	Nam	23/7/1993	Ninh Bình	369/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
323	127211352	Đặng Thị Huyền Trang	Nữ	25/12/1996	Đắk Lắk	370/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
324	127211353	Lê Xuân Triệt	Nam	01/5/1994	Hậu Giang	371/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
325	127211354	Đặng Thị Liễu Trinh	Nữ	05/9/1995	Bình Định	372/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

30. Răng - Hàm - Mặt: 22 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
326	227213400	Bùi Minh Anh	Nam	27/10/1995	Kiên Giang	373/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
327	227213401	Lê Hùng Cường	Nam	03/4/1996	Đắk Lắk	374/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
328	227213402	Võ Trọng Diêm	Nam	07/02/1996	Bình Thuận	375/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
329	227213403	Nguyễn Thị Dung	Nữ	20/3/1995	Lâm Đồng	376/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
330	227213404	Hoàng Anh Dũng	Nam	21/7/1996	Nghệ An	377/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
331	227213405	Mai Tiến Dũng	Nam	06/9/1996	Đồng Nai	378/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
332	227213406	Đoàn Cao Quốc Duy	Nam	11/6/1996	TP. Hồ Chí Minh	379/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
333	227213407	Nguyễn Thị Tâm Duyên	Nữ	16/8/1996	Vĩnh Long	380/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
334	227213408	Nguyễn Việt Hà	Nữ	22/10/1996	Bình Thuận	381/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
335	227213409	Võ Mạnh Hùng	Nam	19/11/1989	Đắk Lắk	382/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
336	227213410	Dương Văn Hưng	Nam	17/12/1995	Quảng Ngãi	383/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
337	227213411	Phan Minh Khôi	Nam	03/10/1996	TP. Hồ Chí Minh	384/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
338	227213412	Lê Đỗ Tuấn Kiệt	Nam	17/7/1995	Ninh Thuận	385/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
339	227213413	Nguyễn Hoàng Lộc	Nam	30/5/1994	Quảng Nam	386/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
340	227213414	Lê Nguyễn Minh Phúc	Nam	24/9/1995	An Giang	387/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
341	227213415	Lê Thiện Quang	Nam	19/12/1996	Thanh Hóa	388/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
342	227213416	Phạm Ngọc Thanh Thảo	Nữ	16/11/1996	Phú Yên	389/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
343	227213417	Huỳnh Kim Thy	Nữ	17/12/1996	Tây Ninh	390/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
344	227213418	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	20/11/1989	Lâm Đồng	391/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
345	227213419	Huỳnh Phạm Anh Trúc	Nam	10/4/1994	Long An	392/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
346	227213420	Trần Thiện Trường	Nam	12/01/1996	TP. Hồ Chí Minh	393/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
347	227213421	Nguyễn Trần Yến Xuân	Nữ	16/8/1995	TP. Hồ Chí Minh	394/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

31. Y học cổ truyền: 22 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
348	327214600	Cao Lê Bình An	Nữ	08/11/1996	Bình Thuận	395/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
349	327214601	Hoàng Trí Đạo	Nam	06/3/1991	Đồng Nai	396/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
350	327214602	Dương Phan Nguyên Đức	Nam	01/9/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	397/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
351	327214603	Nguyễn Văn Duy	Nam	26/9/1996	Quảng Nam	398/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
352	327214605	Trương Thanh Hoàng	Nam	05/01/1996	An Giang	399/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
353	327214606	Hồ Thị Xuân Hồng	Nữ	19/6/1991	Bình Định	400/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
354	327214607	Nguyễn Minh Huệ	Nữ	16/8/1996	Lâm Đồng	401/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
355	327214608	Huỳnh Ánh Kim	Nữ	16/8/1991	Tiền Giang	402/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
356	327214609	Trần Công Đại Lộc	Nam	17/4/1995	Tây Ninh	403/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
357	327214610	Ngô Thái Diệu Lương	Nữ	10/7/1996	Phú Yên	404/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
358	327214612	Nguyễn Công Nguyên	Nam	22/01/1996	Bình Định	405/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
359	327214613	Phạm Ngọc Xuân Nhi	Nữ	22/02/1996	Long An	406/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
360	327214614	Nguyễn Thị Phương	Nữ	08/12/1995	Đắk Lắk	407/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
361	327214615	Lê Ngọc Phương Quỳnh	Nữ	05/10/1996	Đồng Nai	408/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
362	327214616	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	19/5/1996	Bình Định	409/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
363	327214617	Võ Thị Ánh Sáng	Nữ	06/11/1995	Sóc Trăng	410/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
364	327214618	Nguyễn Thị Thu Sông	Nữ	11/11/1996	Lâm Đồng	411/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
365	327214619	Huỳnh Minh Thái	Nam	02/01/1988	Đồng Tháp	412/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
366	327214620	Võ Chí Thiện	Nam	04/11/1996	Đồng Tháp	413/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
367	327214621	Phan Mỹ Trang	Nữ	22/02/1996	Bình Định	414/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
368	327214622	Ngô Thị Tường Vi	Nữ	28/10/1995	Long An	415/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
369	327214623	Vòng Thị Thanh Xuân	Nữ	21/8/1993	Lâm Đồng	416/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng

32. Y học cổ truyền: 03 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
370	427215500	Đặng Thái Bình	Nam	01/8/1990	Bình Định	417/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
371	427215501	Võ Hiếu Nghĩa	Nam	22/11/1992	Đồng Tháp	418/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
372	427215502	Trương Thị Kim Nguyên	Nữ	28/5/1991	Bình Định	419/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng

33. Y tế công cộng: 16 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
373	427215505	Lê Duy Trâm Chi	Nữ	05/5/1991	Bình Phước	420/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
374	427215506	Trần Thị Chiền	Nữ	07/11/1988	Vĩnh Phúc	421/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
375	427215507	Bùi Hùng Mạnh	Nam	20/9/1994	TP. Hồ Chí Minh	422/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
376	427215508	Châu Thị Mỹ Nhiên	Nữ	15/01/1996	Sóc Trăng	423/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
377	427215509	Lê Thị Thảo Nhu	Nữ	13/7/1994	Tiền Giang	424/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
378	427215510	Lê Huỳnh Như	Nữ	12/9/1995	Phú Yên	425/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
379	427215511	Bùi Duy Phương	Nam	24/01/1995	An Giang	426/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
380	427215512	Lê Thị Hồng Thắm	Nữ	29/4/1986	Tây Ninh	427/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
381	427215513	Mai Phước Thảo	Nữ	04/11/1995	An Giang	428/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
382	427215514	Phạm Anh Thư	Nữ	29/11/1994	Tây Ninh	429/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
383	427215515	Trần Thị Anh Thư	Nữ	10/9/1991	Đồng Nai	430/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
384	427215516	Lê Thị Thu Thúy	Nữ	14/6/1993	Bình Thuận	431/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
385	427215517	Phan Thị Trúc Thùy	Nữ	05/12/1997	TP. Hồ Chí Minh	432/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
386	427215518	Hoàng Thị Thùy Trang	Nữ	20/11/1990	Bà Rịa - Vũng Tàu	433/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
387	427215519	Phùng Thị Trinh	Nữ	04/6/1986	Trà Vinh	434/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
388	427215520	Trần Thị Diệu Trinh	Nữ	20/01/1995	Thừa Thiên Huế	435/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

34. Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc: 13 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
389	527217001	Đặng Ngọc Lam Bình	Nữ	02/3/1997	Bình Thuận	436/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
390	527217003	Đào Thị Hồng Loan	Nữ	17/9/1987	TP. Hồ Chí Minh	437/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
391	527217006	Đỗ Thị Quỳnh Như	Nữ	26/7/1996	Đồng Nai	438/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
392	527217007	Nguyễn Đức Xuân Thụy Sĩ	Nam	26/11/1996	TP. Hồ Chí Minh	439/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
393	527217008	Đình Trường Sơn	Nam	22/01/1996	Đồng Nai	440/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
394	527217009	Nguyễn Lê Hoàng Sơn	Nam	09/6/1997	TP. Hồ Chí Minh	441/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
395	527217011	Bùi Tá Tịnh	Nam	12/11/1997	Quảng Ngãi	442/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
396	527217012	Nguyễn Hương Trâm	Nữ	04/12/1995	Tiền Giang	443/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
397	527217013	Đặng Nguyễn Huỳnh Trang	Nữ	26/5/1994	Đà Nẵng	444/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
398	527217014	Nguyễn Thanh Trang	Nữ	15/12/1997	Đà Nẵng	445/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
399	527217016	Phan Anh Tú	Nam	20/4/1996	Quảng Nam	446/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
400	527217019	Nguyễn Hoàng Vinh	Nam	02/01/1996	Hậu Giang	447/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
401	527217021	Phan Nguyễn Như Ý	Nữ	06/4/1997	Đà Nẵng	448/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

35. Dược liệu - Dược học cổ truyền: 04 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
402	527217022	Ngô Thị Mỹ Duyên	Nữ	29/3/1997	Đồng Nai	449/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
403	527217023	Nguyễn Xuân Lan	Nữ	29/12/1997	TP. Hồ Chí Minh	450/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
404	527217024	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	06/12/1996	Gia Lai	451/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
405	527217025	Lê Thị Thương Thương	Nữ	04/6/1995	Tây Ninh	452/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

36. Dược lý và dược lâm sàng: 37 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
406	527217029	Nguyễn Thị Trường An	Nữ	02/12/1995	An Giang	453/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
407	527217030	Trần Hữu Hoàng Chương	Nam	28/8/1994	Thừa Thiên Huế	454/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
408	527217032	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	Nữ	04/10/1994	Phú Yên	455/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
409	527217034	Trần Thị Kiều Hân	Nữ	06/9/1991	Bạc Liêu	456/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
410	527217035	Trần Lê Hằng	Nữ	22/10/1992	Bến Tre	457/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
411	527217036	Đỗ Thu Hiền	Nữ	27/9/1993	Sông Bé	458/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng

412	527217037	Phan Tấn Hiếu Hiền	Nam	20/12/1993	Đắk Lắk	459/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
413	527217038	Đình Tấn Hưng	Nam	22/9/1991	Khánh Hòa	460/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
414	527217039	Nguyễn Ngọc Hưng	Nữ	02/11/1996	Khánh Hòa	461/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
415	527217041	Trịnh Thị Thanh Hương	Nữ	10/10/1996	Đắk Lắk	462/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
416	527217042	Nguyễn Diễm Kiều	Nữ	02/12/1994	Tây Ninh	463/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
417	527217043	Nguyễn Bảo Kim	Nam	20/12/1996	TP. Hồ Chí Minh	464/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
418	527217044	Hồ Thị Mỹ Linh	Nữ	29/9/1996	Đắk Lắk	465/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
419	527217046	Trần Tuyết Ngọc	Nữ	20/4/1997	Vĩnh Long	466/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
420	527217047	Trương Thảo Nguyên	Nữ	13/10/1995	TP. Hồ Chí Minh	467/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
421	527217048	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Nữ	26/11/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	468/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
422	527217049	Nguyễn Trúc Ý Nhi	Nữ	17/5/1996	Bình Thuận	469/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
423	527217050	Trần Quỳnh Như	Nữ	19/11/1996	TP. Hồ Chí Minh	470/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
424	527217051	Phạm Thị Ngọc Nhung	Nữ	22/5/1994	Đồng Nai	471/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
425	527217052	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Nữ	19/12/1996	TP. Hồ Chí Minh	472/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
426	527217053	Đặng Hiền Phương	Nữ	17/01/1983	Hà Tây	473/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
427	527217055	Phan Lê Như Quỳnh	Nữ	19/8/1990	Phú Yên	474/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
428	527217056	Dương Ngô Hoàng Thảo	Nữ	07/8/1993	Cần Thơ	475/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
429	527217058	Nguyễn Huỳnh Phương Thảo	Nữ	06/02/1995	Đà Nẵng	476/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
430	527217059	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	Nữ	29/9/1997	Bạc Liêu	477/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
431	527217060	Phan Vũ Quỳnh Thi	Nữ	25/8/1990	Lâm Đồng	478/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
432	527217061	Trần Thị Ngọc Thoa	Nữ	18/3/1993	Bình Định	479/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
433	527217063	Đỗ Anh Thư	Nữ	16/12/1997	TP. Hồ Chí Minh	480/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
434	527217064	Huỳnh Thị Nhi Thư	Nữ	05/5/1996	Đắk Lắk	481/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
435	527217065	Đặng Thị Thùy	Nữ	10/10/1993	Bình Dương	482/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
436	527217066	Mai Thị Thu Thủy	Nữ	22/3/1994	Đắk Lắk	483/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
437	527217069	Nguyễn Minh Trí	Nam	10/01/1996	TP. Hồ Chí Minh	484/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
438	527217070	Bùi Thảo Trinh	Nữ	16/12/1995	Kiên Giang	485/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
439	527217071	Đông Ngọc Thiên Trúc	Nữ	09/10/1995	Lâm Đồng	486/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
440	527217073	Trần Anh Tú	Nữ	20/02/1994	Bình Phước	487/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
441	527217075	Đào Hoàng Việt	Nam	05/01/1996	Đồng Nai	488/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
442	527217077	Nguyễn Thị Yến	Nữ	02/9/1993	Bình Định	489/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

37. Kiểm nghiệm thuốc và độc chất: 10 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
443	527217078	Lê Ngọc Bảo Châu	Nữ	08/8/1997	Khánh Hòa	490/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
444	527217079	Nguyễn Hoàng Chung	Nam	02/11/1993	Bình Định	491/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
445	527217080	Trần Phan Thúy Huỳnh	Nữ	23/7/1991	Đồng Tháp	492/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
446	527217081	Trần Mộng Kha	Nữ	08/6/1997	Bạc Liêu	493/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
447	527217083	Nguyễn Minh Luân	Nam	14/10/1992	Bình Dương	494/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
448	527217084	Nguyễn Xuân Ni	Nữ	06/12/1997	Bến Tre	495/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
449	527217085	Bùi Thị Hồng Phương	Nữ	11/8/1997	Gia Lai	496/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
450	527217086	Lê Thị Thùy Tiên	Nữ	07/5/1993	Tây Ninh	497/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
451	527217087	Lê Văn Hoài Trân	Nam	22/11/1994	Quảng Nam	498/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
452	527217088	Nguyễn Thị Thanh Vân	Nữ	12/4/1993	Bình Dương	499/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

38. Tổ chức quản lý dược: 19 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
453	527217089	Nguyễn Trần Khương Bắc	Nam	19/3/1997	Bình Thuận	500/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
454	527217090	Lã Thanh Duy	Nam	02/02/1995	TP. Hồ Chí Minh	501/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
455	527217092	Phan Nguyễn Phương Duyên	Nữ	01/02/1996	An Giang	502/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
456	527217093	Rmah H'robeka	Nữ	18/6/1990	Gia Lai	503/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
457	527217094	Huỳnh Đức Hạnh	Nữ	23/7/1993	Quảng Nam	504/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
458	527217095	Nguyễn Thanh Huy	Nam	15/5/1991	Hậu Giang	505/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
459	527217096	Nguyễn Hoàng Vân Nga	Nữ	24/12/1996	TP. Hồ Chí Minh	506/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
460	527217097	Hà Kiến Nghiệp	Nam	19/7/1994	Trà Vinh	507/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
461	527217099	Trần Thị Cao Nguyên	Nữ	01/01/1984	Đắk Lắk	508/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
462	527217100	Trần Thị Hồng Nguyên	Nữ	09/11/1997	Gia Lai	509/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
463	527217101	Quang Ánh Nguyệt	Nữ	01/6/1987	An Giang	510/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
464	527217103	Nguyễn Bạch Phương Nhi	Nữ	22/9/1997	TP. Hồ Chí Minh	511/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
465	527217104	Đoàn Minh Phú	Nam	16/4/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	512/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
466	527217105	Trịnh Ngọc Thiên Thanh	Nữ	28/12/1993	An Giang	513/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
467	527217106	Hoàng Ngọc Trâm	Nữ	16/11/1997	Đồng Nai	514/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

468	527217107	Bùi Ngọc Bảo Trân	Nữ	25/01/1995	Trà Vinh	515/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
469	527217108	Nguyễn Kim Triết	Nam	12/5/1987	Quảng Ngãi	516/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
470	527217109	Ngô Quang Vũ	Nam	01/5/1993	Bình Thuận	517/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
471	527217111	Nguyễn Trần Như Ý	Nữ	18/10/1997	TP. Hồ Chí Minh	518/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

39. Điều dưỡng: 26 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
472	627219000	Đặng Thế Bảo	Nam	30/10/1993	Bến Tre	519/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
473	627219001	Nguyễn Thị Hải Bình	Nữ	10/7/1982	Hà Tây	520/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
474	627219002	Hứa Thị Kim Chi	Nữ	06/5/1990	Tiền Giang	521/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
475	627219003	Võ Thị Kim Chi	Nữ	12/9/1984	Bến Tre	522/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
476	627219004	Lê Văn Lượm Em	Nam	15/9/1985	Bến Tre	523/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
477	627219005	Nguyễn Kim Hải	Nữ	09/7/1982	TP. Hồ Chí Minh	524/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
478	627219006	Mai Thị Hay	Nữ	06/7/1989	Nam Định	525/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
479	627219007	Nguyễn Thị Thủy Hoàng	Nữ	26/5/1997	Long An	526/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
480	627219008	Trần Thị Huyền	Nữ	09/7/1987	Đắk Lắk	527/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
481	627219009	Mai Thị Ngọc Kiều	Nữ	15/10/1996	TP. Hồ Chí Minh	528/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
482	627219010	Cán Thị Liên	Nữ	07/12/1990	Hà Nội	529/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
483	627219011	Trần Thị Kim Linh	Nữ	30/8/1996	Bình Thuận	530/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
484	627219012	Võ Thị Cẩm Loan	Nữ	10/01/1988	Bến Tre	531/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
485	627219013	Lê Thị Mân	Nữ	11/5/1995	Thừa Thiên Huế	532/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
486	627219015	Nguyễn Thanh Ngọc	Nữ	26/7/1989	TP. Hồ Chí Minh	533/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
487	627219016	Huỳnh Thanh Phú	Nam	23/11/1988	TP. Hồ Chí Minh	534/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
488	627219019	Nguyễn Quân	Nam	08/02/1997	TP. Hồ Chí Minh	535/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
489	627219020	Phạm Văn Quân	Nam	12/11/1989	Đắk Lắk	536/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
490	627219022	Huỳnh Ngọc Phương Quế	Nữ	17/9/1988	Tiền Giang	537/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
491	627219023	Lê Thị Thắm	Nữ	28/7/1996	Đắk Lắk	538/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
492	627219024	Nguyễn Phan Ngọc Thanh	Nữ	13/8/1996	Bình Thuận	539/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
493	627219025	Trần Văn Thuận	Nam	04/6/1979	Bến Tre	540/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
494	627219027	Hoàng Thị Lệ Thủy	Nữ	09/10/1994	Lâm Đồng	541/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
495	627219029	Lê Thanh Trúc	Nữ	15/11/1988	TP. Hồ Chí Minh	542/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
496	627219030	Tạ Thị Hồng Vân	Nữ	21/02/1989	TP. Hồ Chí Minh	543/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
497	627219031	Sâm Hà Như Vũ	Nữ	28/9/1983	Lâm Đồng	544/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng

40. Kỹ thuật phục hồi chức năng: 12 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
498	627219032	Nguyễn Thị Minh Châu	Nữ	04/5/1995	Bình Thuận	545/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
499	627219033	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	11/4/1987	Hà Nội	546/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
500	627219034	Phan Thị Vân Huyền	Nữ	29/9/1993	Hải Dương	547/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
501	627219035	Nguyễn Thị Ngọc Lam	Nữ	17/02/1994	Ninh Thuận	548/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
502	627219036	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	06/10/1982	TP. Hồ Chí Minh	549/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
503	627219037	Nguyễn Dương Quỳnh Như	Nữ	08/3/1995	TP. Hồ Chí Minh	550/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
504	627219038	Nguyễn Châu Tuyết Như	Nữ	07/8/1988	Khánh Hòa	551/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
505	627219039	Lê Ngọc Phượng	Nữ	01/01/1987	Lào Cai	552/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
506	627219040	Trà Thanh Tâm	Nữ	04/6/1982	TP. Hồ Chí Minh	553/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
507	627219041	Trần Thị Anh Thư	Nữ	31/8/1986	TP. Hồ Chí Minh	554/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
508	627219042	Đỗ Thị Bích Thuận	Nữ	25/4/1975	Long An	555/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
509	627219043	Lê Thị Thanh Xuân	Nữ	15/11/1972	Quảng Trị	556/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

41. Kỹ thuật xét nghiệm y học: 34 học viên.

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
510	627219044	Nguyễn Thị Tú Anh	Nữ	29/10/1997	Lâm Đồng	557/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
511	627219046	Nguyễn Ngọc Châu	Nữ	03/8/1983	Long An	558/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
512	627219047	Nguyễn Việt Bằng Châu	Nữ	25/10/1996	Vĩnh Long	559/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
513	627219048	Nguyễn Chiêu Thục Đoan	Nữ	25/9/1996	Tây Ninh	560/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
514	627219049	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	21/7/1994	Tây Ninh	561/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
515	627219050	Lê Thị Thu Hà	Nữ	02/8/1994	Bình Định	562/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
516	627219051	Trần Thị Ngọc Hà	Nữ	22/7/1982	TP. Hồ Chí Minh	563/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
517	627219052	Nguyễn Minh Hải	Nam	08/01/1984	Phú Yên	564/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
518	627219053	Nguyễn Thanh Hiền	Nam	27/10/1995	TP. Hồ Chí Minh	565/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu

TT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp bằng	Chương trình đào tạo
519	627219054	Lăng Hoài Hiếu	Nữ	18/5/1986	Bạc Liêu	566/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
520	627219055	Nguyễn Văn Hưng	Nam	30/7/1996	Bình Thuận	567/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
521	627219056	Phạm Phú Song Huy	Nam	18/9/1994	TP. Hồ Chí Minh	568/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
522	627219057	Mã Thị Hoàng Kim	Nữ	03/02/1995	Bạc Liêu	569/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
523	627219058	Đỗ Thị Thùy Linh	Nữ	15/10/1995	Bình Định	570/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
524	627219059	Lý Khánh Linh	Nữ	22/6/1994	Yên Bái	571/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
525	627219060	Phạm Thị Luyên	Nữ	15/3/1994	Hải Dương	572/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
526	627219061	Lê Thị Tuyết Nga	Nữ	05/10/1996	TP. Hồ Chí Minh	573/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
527	627219062	Nguyễn Ước Nguyễn	Nam	31/8/1996	TP. Hồ Chí Minh	574/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
528	627219063	Châu Thái Phê	Nam	12/12/1971	Bình Định	575/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
529	627219064	Võ Thị Kiều Phương	Nữ	22/8/1984	Đắk Lắk	576/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
530	627219065	Nguyễn Minh Sơn	Nam	03/10/1993	Bình Định	577/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
531	627219066	Lê Thanh Sung	Nam	16/01/1985	Bạc Liêu	578/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
532	627219067	Nguyễn Thị Suyên	Nữ	16/8/1994	Bình Định	579/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
533	627219068	Huỳnh Ngọc Tân	Nam	15/02/1992	Đồng Nai	580/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
534	627219069	Nguyễn Văn Ngọc Tân	Nam	01/02/1991	Long An	581/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
535	627219070	Phạm Anh Thắng	Nam	04/01/1989	Bình Thuận	582/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
536	627219071	Lê Thị Thôi	Nữ	18/6/1991	Bà Rịa - Vũng Tàu	583/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
537	627219072	Nguyễn Văn Thống	Nam	12/12/1989	Cà Mau	584/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng
538	627219073	Nguyễn Văn Thống	Nam	21/12/1996	Trà Vinh	585/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
539	627219074	Trần Thị Anh Thư	Nữ	30/12/1995	Bến Tre	586/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
540	627219075	Huỳnh Nhật Toàn	Nam	07/11/1995	Bình Thuận	587/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
541	627219076	Nguyễn Văn Toàn	Nam	17/12/1992	Bến Tre	588/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
542	627219077	Nguyễn Bảo Trân	Nữ	12/10/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	589/2023/ThS/ĐHYD	Nghiên cứu
543	627219078	Vũ Đình Tuấn	Nam	01/10/1992	Phú Thọ	590/2023/ThS/ĐHYD	Ứng dụng

Ấn định danh sách có 543 (năm trăm bốn mươi ba) học viên được đề nghị công nhận tốt nghiệp trình độ thạc sĩ năm 2023.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 12 năm 2023

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**